TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2023/DS-ST
Ngày: 21-7-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đậu Thị Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thảo;

Ông Tống Văn Tâm.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Thuyến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên tham gia phiên tòa***: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tân Uyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2023/TLST-DS ngày 11/4/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2023; Quyết định hoãn phiên toà số 89/2023/TB-TA ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Võ Anh H1, sinh năm 2002; nơi cư trú: Tổ A, khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Thái Thanh H, sinh năm 1979; nơi cư trú: Khu phố A, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương và ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 2000; nơi cư trú: khu phố A, phường U, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền. Ông N có mặt, ông H vắng mặt.

- *Bị đơn*:

+ Lê Anh H2, sinh ngày 18/4/2005; nơi cư trú: Tổ A, khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

+ Ông Lê Thanh Đ, sinh năm 1980; nơi cư trú: Tổ A, khu phố B, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

+ Bà Phạm Thị Bích C, sinh năm 1982; nơi cư trú: Tổ 3, khu phố Bình Khánh, phường Khánh Bình, thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 3 năm 2023, quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Thái Thanh H và ông Nguyễn Trọng N thống nhất trình bày:

Võ Anh H1 và Lê Anh H2 là bạn bè của nhau. Vào ngày 28/10/2022, H2 có hỏi vay của H1 số tiền 80.000.000 đồng thì H2 đồng ý. Giữa hai bên có lập giấy biên nhận thoả thuận mượn tiền ngày 28/10/2022 với nội dung H2 mượn của H1 số tiền 80.000.000 đồng, thời hạn trả là ngày 28/11/2022, mục đích vay là sử dụng vào việc kinh doanh của gia đình. Sau khi ký giấy tờ xong thì H1 đã giao đủ cho H2 số tiền trên. Tuy nhiên đến hạn thanh toán H2 không thanh toán, nhiều lần H1 liên hệ với H2 cũng như bố mẹ H2 là bà C và ông Đ để yêu cầu thanh toán thì đều không đồng ý trả số tiền trên cho H1.

Do đó, ông Võ Anh H khởi kiện yêu cầu: Buộc ông Lê Anh H, ông Lê Thanh Đ và bà Phạm Thị Bích C phải liên đới trả cho ông Võ Anh H số tiền vay là 80.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 29/11/2022 đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử là 6.641.096 đồng.

Ngày 20/7/2023, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Lê Thanh Đ và bà Phạm Thị Bích C, xác định lại yêu cầu khởi kiện: Buộc ông Lê Anh H phải trả cho ông Võ Anh H số tiền vay là 80.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tạm tính từ ngày 29/11/2022 đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử là 6.641.096 đồng.

Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp: Bản sao căn cước công dân ông Võ Anh H; Bản photo: Giấy biên nhận thoả thuận mượn tiền ngày 28/10/2022; Giấy khai sinh của Lê Anh H; Sổ hộ khẩu của Lê Anh H; Bản chính giấy uỷ quyền.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Anh H trình bày:

H2 với H1 là bạn bè quen biết với nhau thông qua một người bạn của H2 giới thiệu. Vào ngày 28/10/2022, H2 có hỏi vay của H1 số tiền 80.000.000 đồng, mục đích là để trả nợ cho cá nhân của H2. Giữa hai bên có lập giấy biên nhận thoả thuận mượn tiền ngày 28/10/2022, thời hạn trả là ngày 28/11/2022, mục

đích vay là sử dụng vào việc kinh doanh của gia đình. Tuy nhiên trên thực tế là để H2 trả nợ cá nhân. Sau khi vay tiền H2 không có khả năng thanh toán số tiền trên cho H1.

H2 xác định việc H1 vay tiền là để sử dụng vào mục đích cá nhân của bản thân, không liên quan đến bố, mẹ là ông Lê Thanh Đ và Phạm Thị Bích C. H2 đồng ý trả số tiền vay là 80.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 6.641.096 đồng cho ông Võ Anh H. Huy không có yêu cầu phản tố.

Chứng cứ, tài liệu bị đơn cung cấp: Không.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông N trình bày: Buộc ông Lê Anh H phải trả cho ông Võ Anh H số tiền vay là 80.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm, từ ngày vi phạm thời hạn thanh toán là ngày 29/11/2022 cho đến phiên toà hôm nay là 07 tháng 24 ngày với số tiền 5.128.767 đồng.

- Bị đơn ông H2 trình bày: Đồng ý trả số tiền vay là 80.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 5.128.767 đồng cho ông Võ Anh H.

- Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn ông H2 đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Bị đơn ông Đ và bà C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được công bố tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn ông Lê Anh H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Buộc bị đơn ông Lê Anh H phải thanh toán cho nguyên đơn số nợ gốc là 80.000.000 đồng, lãi là số tiền 5.128.767 đồng. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu ông Lê Thanh Đ và bà Phạm Thị Bích C phải liên đới trả cho ông Võ Anh H số tiền vay là 80.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Võ Anh H khởi kiện ông Lê Anh H, ông Lê Thanh Đ và bà Phạm Thị Bích C yêu cầu thanh toán số tiền 80.000.000 đồng theo Giấy biên nhận thoả thuận mượn tiền ngày 28/10/2022. Ông Lê Anh H, ông Lê Thanh Đ và bà Phạm Thị Bích C có nơi cư trú tại thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án về tranh chấp hợp vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn ông Lê Thanh Đ và bà Phạm Thị Bích C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông Lê Thanh Đ và bà Phạm Thị Bích C. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này theo khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Đối với hợp đồng cho vay tiền: Ngày 28/10/2022, giữa nguyên đơn và bị đơn có ký Giấy biên nhận thoả thuận mượn tiền với nội dung nguyên đơn cho bị đơn mượn số tiền 80.000.000 đồng, mục đích để sự dụng cá nhân, không có tài sản thế chấp, thời hạn mượn là từ ngày 28/10/2022 đến ngày 28/11/2022. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn thừa nhận có ký tên lăn tay vào Giấy biên nhận thoả thuận mượn tiền và có mượn số tiền nêu trên của nguyên đơn. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do đó, có căn cứ xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã xác lập hợp đồng vay tài sản có thời hạn. Đến thời hạn bị đơn không trả lại số tiền đã vay là vi phạm nghĩa vụ trả tiền.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ là 80.000.000 đồng. Bị đơn thừa nhận có vay số tiền này của nguyên đơn và đồng ý trả số tiền này cho nguyên đơn. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự, do dó Hội đồng xét xử ghi nhận buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ là 80.000.000 đồng.

[2.2] Về yêu cầu tính tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán:

Tại phiên toà nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán với mức lãi suất 10%/năm, từ ngày vi phạm thời hạn thanh toán là ngày 29/11/2022 cho đến phiên toà hôm nay là 07 tháng 24 ngày với số tiền 5.128.767 đồng. Bị đơn đồng ý trả số tiền này cho nguyên đơn. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn ông Lê Anh H2 thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Tuy nhiên, bị đơn ông Lê Thanh Đ và bà Phạm Thị Bích C vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử không ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc giải quyết vụ án.

[4] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn ông Lê Anh H phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-NĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Anh H về việc yêu cầu ông Lê Thanh Đ và bà Phạm Thị Bích C phải liên đới cùng với ông Lê Anh H trả cho ông Võ Anh H số tiền vay là 80.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Anh H đối với bị đơn ông Lê Anh H về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc ông Lê Anh H phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Võ Anh H số tiền 85.128.767 đồng (Tám mươi lăm triệu một trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng), gồm: Tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng và tiền lãi 5.128.767 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Anh H phải chịu số tiền 4.256.438 đồng (Bốn triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng).

Hoàn trả cho ông Võ Anh H số tiền 2.166.027 đồng (Hai triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0007540 ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Tân Uyên;
- THADS thành phố Tân Uyên;
- Đương sự;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đậu Thị Loan